TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày : 21/02/2023
V*/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Bê
Ông Tô Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21/02/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/12/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXX-ST ngày 11/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐ-ST ngày 02/02/2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị N; Sinh năm : 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn** : Anh Nguyễn Văn L; Sinh năm : 1984 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang lao động tại nước ngoài.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 01/8/2022 Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân : Chị và anh Nguyễn Văn L có kết hôn ngày 20/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn L, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2016 anh L đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài kể từ đó đến nay chưa về nước. Kể từ khi anh L đi nước ngoài thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống và do vợ chồng sống xa cách nhau lâu ngày, hai bên đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay và đã cắt đứt mọi tình cảm. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 15/5/2016 và cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 23/9/2009. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị N còn trình bày: Hiện nay anh L vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị có hỏi anh L không cung cấp cho chị được biết, anh L vẫn liên lạc về cho mẹ đẻ anh L là bà Nguyễn Thị Đ, SN 1939, trú tại: Thôn L, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang, nhưng bà Đ cũng không cung cấp địa chỉ cho chị biết nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh L được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh L.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Thị Minh T trình bày: Cháu là con của bố Nguyễn Văn L và mẹ Nguyễn Thị N, hiện nay cháu đang ở cùng với mẹ là Nguyễn Thị N. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ cháu là Nguyễn Thị N.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L không có bản tự khai.

Ngày 26/12/2022 và ngày 04/01/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn L là bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1939, trú tại: Thôn L, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà Đ thông báo cho anh L biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh

Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L; yêu cầu anh L viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà Đ cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc bà Đ vẫn giữ nguyên quan điểm là anh L ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh L, đồng thời bà cũng không đồng ý thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh L biết để anh L gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh L gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn L vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị N; Biên bản làm việc với mẹ đẻ anh L là bà Nguyễn Thị Đ và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh L không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh L; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh Nguyễn Văn L là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123; điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; điều 271; điều 273; điều 150; khoản 2 điều 479 BLTTDS; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 23/9/2009 và cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 15/5/2016 cho chị Nguyễn Thị N

là người trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do chị N không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Về án phí : Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng**: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh L là bà Nguyễn Thị Đ để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà Đ thông báo cho anh L biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L; Yêu cầu anh L viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà Đ cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài. Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Anh L ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà Đ vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh L cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh L biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh L theo thủ tục chung.

[2].Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn có đơn xin ly anh Nguyễn Văn L, anh L hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 28686/QLXNC-P5 ngày 30/12/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh L đã xuất cảnh ngày 07/4/2016 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh L ở Việt Nam là: Thôn L, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**3]. Về quan hệ Hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 20/11/2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị N trình bày: Sau khi kết hôn xong vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Lưu-xã Khám Lạng-huyện Lục Nam-tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2016 anh L đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Kể từ khi anh L đi nước ngoài thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống và do vợ chồng sống xa cách nhau lâu ngày nên không có tiếng nói chung, hai bên đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay và đã cắt đứt mọi tình cảm. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị N và anh L chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì anh L đi xuất khẩu lao động, kể từ đó đến nay chưa về nước. Từ khi anh L đi xuất khẩu lao động thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống và vợ chồng sống xa nhau đã lâu ngày đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[**4]. Về con chung**: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 23/9/2009 và cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 15/5/2016. Hiện nay hai cháu đang ở với chị N, ly hôn chị N đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh L đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Văn L từ khi đi nước ngoài thì cháu Nguyễn Thị Minh T và cháu Nguyễn Thanh M vẫn do chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân

và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N về nuôi con chung. Giao cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 23/9/2009 và cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 15/5/2016 đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] .Về tài sản, công nợ: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1.Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2.Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 23/9/2009 và cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 15/5/2016 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Trường hợp anh Nguyễn Văn L về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy đinh tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000777 ngày 22/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Văn L hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơinhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã Khám Lạng, Lục Nam, Bắc Giang.
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Thông